

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **07h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 08/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Đặng Phước	Toàn	CĐBE01N01	71.5	Bảy một năm	
2	002	Trương Hữu	Hậu	CĐBE04N04	47.5	Bốn bảy năm	
3	003	Nguyễn Hoàng	Hải	CĐBE04N04	64.5	Sáu bốn năm	
4	004	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	CĐBE04N04	61.0	Sáu một	
5	005	Lê Nguyễn Dân	Tâm	CĐBE04N04	60.5	Sáu không năm	
6	006	Phạm Hồng	Thái	CĐBE04N05	58.0	Năm tám	
7	007	Lê Thành	Đạt	CĐBE05N01	71.5	Bảy một năm	
8	008	Phan Ngọc	Huy	CĐBE05N01	65.5	Sáu năm năm	
9	009	Nguyễn Thành	Nguyên	CĐBE05N01	59.0	Năm chín	
10	010	Nguyễn Minh	Quân	CĐBE05N01	62.0	Sáu hai	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 08/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	011	Nguyễn Giang	Son	CDBE05N01	78.5	Bảy tám năm	
2	012	Nguyễn Thanh	Thành	CDBE05N01	76.5	bảy sáu năm	
3	013	Trần Quang	Thiện	CDBE05N01	57.0	Năm bảy	
4	014	Nguyễn Thái	Bảo	CDBE05N02	80.5	Tám không năm	
5	015	Thị Ngọc	Bích	CDBE05N02	79.5	bảy chín năm	
6	016	Huỳnh Tấn	Đức	CDBE05N02	83.0	Tám ba	
7	017	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	CDBE05N02	80.0	Tám không	
8	018	Ngô Tấn	Huy	CDBE05N02	78.0	Bảy tám	
9	019	Mạch Nguyễn	Quốc	CDBE05N02	68.0	Sáu tám	
10	020	Lâm Nhuận	Thành	CDBE05N02	81.0	Tám một	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **07h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 09/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	021	Nguyễn Thị Phương	Trâm	CDBE05N02	71.0	Bảy một	
2	022	Siêu Hoài	An	CDBE05N03	78.0	Bảy tám	
3	023	Nguyễn Gia	Bảo	CDBE05N03	75.0	Bảy năm	
4	024	Trương Đắc	Bảo	CDBE05N03	81.5	Tám một năm	
5	025	Đặng Minh	Chiến	CDBE05N03	75.5	Bảy năm năm	
6	026	Nguyễn Thị Trúc	Đào	CDBE05N03	81.0	Tám một	
7	027	Đỗ Văn	Duy	CDBE05N03	69.0	Sáu chín	
8	028	Võ Trường	Giang	CDBE05N03	73.5	Bảy ba năm	
9	029	Nguyễn Ngọc	Hiếu	CDBE05N03	86.5	Tám sáu năm	
10	030	Huỳnh Tường	Huy	CDBE05N03	83.5	Tám ba năm	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 09/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	031	Phan Quốc	Khải	CDBE05N03	88.0	Tám tám	
2	032	Phạm Minh	Khang	CDBE05N03	74.0	Bảy bốn	
3	033	Trần Huỳnh	Phát	CDBE05N03	82.5	Tám hai năm	
4	034	Diêm Công	Phong	CDBE05N03	75.5	Bảy năm năm	
5	035	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	CDBE05N03	68.5	Sáu tám năm	
6	036	Phạm Hoàng	Thịnh	CDBE05N03	85.5	Tám năm năm	
7	037	Nguyễn Tri	Thức	CDBE05N03	86.5	Tám sáu năm	
8	038	Nguyễn Trọng	Toàn	CDBE05N03	76.5	Bảy sáu năm	
9	039	Trần Thị Thúy	Trang	CDBE05N03	76.5	Bảy sáu năm	
10	040	Nguyễn Phạm Thanh	Tùng	CDBE05N03	69.0	Sáu chín	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **07h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 10/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	041	Nguyễn Hoàng	Ty	CDBE05N03	69.0	Sáu chín	
2	042	Nguyễn Xuân	Yến	CDBE05N03	0.0	Không không	
3	043	Nguyễn Huỳnh Thanh	Hà	CDBE05N04	88.5	Tám tám năm	
4	044	Cao Tuấn	Hào	CDBE05N04	72.0	Bảy hai	
5	045	Lê Huy	Hoàng	CDBE05N04	49.0	Bốn chín	
6	046	Quan Lễ	Hưng	CDBE05N04	54.0	Năm bốn	
7	047	Trịnh Thế	Khải	CDBE05N04	27.5	Hai bảy năm	
8	048	Hứa Duy	Khánh	CDBE05N04	44.0	Bốn bốn	
9	049	K' Tiến	Lâm	CDBE05N04	79.5	Bảy chín năm	
10	050	Trần Phạm Nguyên	Lộc	CDBE05N04	47.0	Bốn bảy	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 01
Hiện diện: 09

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 10/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	051	Nguyễn Thu	Ngân	CDBE05N04	69.0	Sáu chín	
2	052	Cao Bảo	Ngọc	CDBE05N04	69.5	Sáu chín năm	
3	053	Trần Minh	Nhất	CDBE05N04	60.5	Sáu không năm	
4	054	Bùi Mạnh	Quyết	CDBE05N04	68.5	Sáu tám năm	
5	055	Nguyễn Minh	Tuệ	CDBE05N04	74.0	Bảy bốn	
6	056	Dương Hoàng	Ân	CDBE05N05	63.5	Sáu ba năm	
7	057	Lê Tuấn	Anh	CDBE05N05	65.3	Sáu năm ba	
8	058	Trần Hữu	Bằng	CDBE05N05	44.5	Bốn bốn năm	
9	059	Phan Huy	Hoàng	CDBE05N05	26.0	Hai sáu	
10	060	Ung Gia	Huy	CDBE05N05	23.0	Hai ba	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **7h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 11/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	061	Dương Bảo	Ngân	CDBE05N05	73.0	Bảy ba	
2	062	Bùi Sỹ	Nguyên	CDBE05N05	68.5	Sáu tám năm	
3	063	Nguyễn Thanh	Nhàn	CDBE05N05	65.5	Sáu năm năm	
4	064	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CDBE05N05	70.0	Bảy không	
5	065	Trần Thị Tuyết	Nhung	CDBE05N05	71.5	Bảy một năm	
6	066	Nguyễn Lê Anh	Quốc	CDBE05N05	74.5	bảy bốn năm	
7	067	Lê Thị Thanh	Trúc	CDBE05N05	73.5	Bảy ba năm	
8	068	Đoàn Đăng	Anh	CDBE05N06	65.0	Sáu năm	
9	069	Tô Hữu	Bằng	CDBE05N06	75.5	Bảy năm năm	
10	070	Đỗ Kiến	Đạt	CDBE05N06	75.3	Bảy năm ba	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 11/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	071	Vũ Hoàng	Hải	CDBE05N06	61.0	Sáu một	
2	072	Nguyễn Quốc	Huy	CDBE05N06	35.0	Ba năm	
3	073	Lê Minh	Khôi	CDBE05N06	50.5	Năm không năm	
4	074	Phan Thành	Phát	CDBE05N06	64.0	Sáu bốn không	
5	075	Nguyễn Ngọc	Phú	CDBE05N06	69.5	Sáu chín năm	
6	076	Trần Đức	Tài	CDBE05N06	56.0	Năm sáu	
7	077	Nguyễn Xuân	Thành	CDBE05N06	75.5	Bầu năm năm	
8	078	Trần Anh	Thư	CDBE05N06	67.5	Sáu bảy năm	
9	079	Trịnh Huy	Toàn	CDBE05N06	68.5	Sáu tám năm	
10	080	Vũ Đoàn Thái	Tuấn	CDBE05N06	69.0	Sáu chín	

Tổng số sinh viên:
Vắng mặt:
Hiện diện:

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **7h30**

Đợt thi: **Tháng 09/2026**
Ngày thi: 12/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	081	Nguyễn Phước	Vinh	CDBE05N06	57.0	Năm bảy	
2	082	Nguyễn Phương	Vy	CDBE05N06	57.0	Năm bảy	
3	083	Trương Vĩnh	An	CDBE05N07	67.5	Sáu bảy năm	
4	084	Vũ Hải	Đăng	CDBE05N07	50.0	năm không không	
5	085	Nguyễn Quốc	Đạt	CDBE05N07	42.0	Bốn hai không	
6	086	Huỳnh Lê Quốc	Duy	CDBE05N07	88.0	Tám tám không	
7	087	Nguyễn Đức	Duy	CDBE05N07	60.0	Sáu không không	
8	088	Đàm Thanh	Hải	CDBE05N07	91.0	Chín một không	
9	089	Bùi Thị Minh	Hào	CDBE05N07	81.5	Tám một năm	
10	090	Cao Gia	Huy	CDBE05N07	70.0	Bảy không không	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 12/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	091	Dương Phát	Kiệt	CDBE05N07	73.5	Bảy ba năm	
2	092	Trần Gia	Quốc	CDBE05N07	70.5	Bảy không năm	
3	093	Phan Triều	Quý	CDBE05N07	69.5	Sáu chín năm	
4	094	Đỗ Tấn	Thành	CDBE05N07	81.5	Tám một năm	
5	095	Nguyễn Phúc	Thịnh	CDBE05N07	79.5	Bảy chín năm	
6	096	Mai Ngân	Tiền	CDBE05N07	76.0	Bảy sáu không	
7	097	Ngô Quang	Trường	CDBE05N07	74.0	Bảy bốn không	
8	098	Lê Phạm Vũ	Hoàng	CDBE05N08	0.0	Không không	
9	099	Võ Huy	Hoàng	CDBE05N08	72.5	Bảy hai năm	
10	100	Tạ Gia	Huy	CDBE05N08	63.5	Sáu ba năm	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 01
Hiện diện: 09

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **7h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 14/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	101	Nguyễn Anh	Kiệt	CDBE05N08	73.5	Bảy ba năm	
2	102	Sơn Thị Hà	My	CDBE05N08	74.0	Bảy bốn	
3	103	Trần Đại	Phúc	CDBE05N08	73.3	Bảy ba ba	
4	104	Lê Hồng	Thắng	CDBE05N08	44.0	Bốn bốn	
5	105	Phan Lê Trọng	Tín	CDBE05N08	52.5	Năm hai năm	
6	106	Trần Tấn	An	CDBE05N09	71.0	Bảy một	
7	107	Huỳnh Anh Sa	Đại	CDBE05N09	59.5	Năm chín năm	
8	108	Đỗ Phúc	Duy	CDBE05N09	66.5	Sáu sáu năm	
9	109	Đinh Ngọc	Hân	CDBE05N09	70.0	Bảy không	
10	110	Thái Thị Ngọc	Hoà	CDBE05N09	73.0	Bảy ba	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **13h00**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 14/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	111	Nguyễn Tấn	Hưng	CDBE05N09	64.5	Sáu bốn năm	
2	112	Phạm Thanh	Khiết	CDBE05N09	76.3	Bảy sáu ba	
3	113	Hà Hoài	Khương	CDBE05N09	69.0	Sáu chín	
4	114	Nguyễn Ngọc	Minh	CDBE05N09	67.0	Sáu bảy	
5	115	Lê Nguyễn Quỳnh	Nhi	CDBE05N09	73.0	Bảy ba	
6	116	Nguyễn Nhật	Trường	CDBE05N09	67.0	Sáu bảy	
7	117	Huỳnh Thanh	Tuấn	CDBE05N09	72.0	Bảy hai	
8	118	Huỳnh Duy	Vĩ	CDBE05N09	74.3	Bảy bốn ba	
9	119	Trần Bạch	Đăng	CDBE05N10	42.5	Bốn hai năm	
10	120	Nguyễn Cao	Đạt	CDBE05N10	70.0	Bảy không	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn
Môn thi: **Thực hành**
Thời gian: **7h30**

Đợt thi: Tháng 09/2026
Ngày thi: 15/09/2026
Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	121	Phạm Trúc	Huỳnh	CDBE05N10	76.5	Bảy sáu năm	
2	122	Tăng Hòa	Lâm	CDBE05N10	73.0	Bảy ba không	
3	123	Trần Trúc	Ly	CDBE05N10	75.0	Bảy năm không	
4	124	Hồ Nguyễn Minh	Phát	CDBE05N10	76.0	Bảy sáu không	
5	125	Lương Anh	Quân	CDBE05N10	65.5	Sáu năm năm	
6	126	Nguyễn Nhựt	Trường	CDBE05N10	73.0	Bảy ba không	
7	127	Nguyễn Thị Thanh	Tú	CDBE05N10	55.0	Năm năm không	
8	128	Nguyễn Tuấn	Anh	CDBE05N11	72.0	Bảy hai không	
9	129	Lê Tiến	Đạt	CDBE05N11	57.0	Năm bảy không	
10	130	Trần Gia	Hân	CDBE05N11	43.0	Bốn ba không	

Tổng số sinh viên: 10
Vắng mặt: 0
Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn

Đợt thi: Tháng 09/2026

Môn thi: Thực hành

Ngày thi: 15/09/2026

Thời gian: 13h00

Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	131	Nguyễn Đình Minh	Hoàng	CDBE05N11	81.0	Tám một không	
2	132	Hà Duy	Nghĩa	CDBE05N11	62.0	Sáu hai không	
3	133	Lê Thị Quỳnh	Như	CDBE05N11	76.5	Bảy sáu năm	
4	134	Nguyễn Xuân	Quỳnh	CDBE05N11	76.5	Bảy sáu năm	
5	135	Nguyễn Cường	Thịnh	CDBE05N11	82.0	Tam hai không	
6	136	La Phước Minh	Tiến	CDBE05N11	73.3	Bảy ba ba	
7	137	Huỳnh Minh	Trí	CDBE05N11	71.0	Bảy một không	
8	138	Nguyễn Minh	Việt	CDBE05N11	50.5	Năm không năm	
9	139	Đoàn Quang	Vũ	CDBE05N11	70.1	Bảy không một	
10	140	Trần Thanh	Vũ	CDBE05N11	82.0	Tám hai không	

Tổng số sinh viên: 10

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 10

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Kỹ thuật chế biến món ăn

Đợt thi: Tháng 09/2026

Môn thi: Thực hành

Ngày thi: 16/09/2026

Thời gian: 7h30

Phòng thi: K101 & L001

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	141	Đỗ Quốc	Bảo	CDBE05N12	49.1	Bốn chín một	
2	142	Vũ Anh	Duy	CDBE05N12	70.5	Bảy không năm	
3	143	Trương Quốc	Hy	CDBE05N12	56.0	Năm sáu không	
4	144	Nguyễn Cát	Minh	CDBE05N12	67.0	Sáu bảy không	
5	145	Nguyễn Huỳnh Trí	Tài	CDBE05N12	63.0	Sáu ba không	
6	146	Thái Thu	Thảo	CDBE05N12	76.5	Bảy sáu năm	
7	147	Tiền Lê	Vĩnh	CDBE05N12	77.5	Bảy bảy năm	
8	148	Trần Minh Sơn	Vũ	CDBE05N12	81.5	Tám một năm	
9	149	Đỗ Phương	Vy	CDBE05N12	78.0	Bảy tám không	
10	150	Trần Nguyễn Minh	Hiếu	CĐBE04N05	42.5	Bốn hai năm	